1. **Đặc tả Ca sử dụng – “Dat thue xe”**
2. **Mã Ca sử dụng**:
3. **Mô tả**: Ca sử dụng tương tác giữa Người dùng và Phần mềm hệ thống khi Người dùng muốn đặt thuê xe.
4. **Tác nhân tham gia**: Người dùng.
5. **Tiền điều kiện**: Người dùng đăng nhập thành công và hiện ở màn hình trang chủ.
6. **Luồng sự kiện cơ bản**:

Bước 1: Người dùng bấm vào nút đặt thuê xe.

Bước 2: Hệ thống gọi đến Ca sử dụng “Tim kiem”.

Bước 3: Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xe thuê (gồm thông tin xe đã chọn và 2 nút xác nhận và hủy).

Bước 4: Người dùng bấm nút xác nhận thuê xe được chọn.

Bước 5: Hệ thống hiển thị đơn đăng ký thuê xe.

Bước 6: Người dùng điền thông tin đăng ký thuê xe.

Bước 7: Người dùng bấm nút nộp đơn đăng ký thuê xe.

Bước 8: Hệ thống lưu thông tin đặt thuê xe.

Bước 9: Hệ thống gửi thông tin đặt thuê xe cho quản lý cửa hàng được chọn.

1. **Luồng sự kiện thay thế**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 4 | Người dùng bấm nút hủy thuê xe |  | Bước 2 |
| 2 | Bước 8 | Thông tin trong đơn không được điền chính xác, đầy đủ | Hệ thống hiển thị thông báo cho Người dùng | Bước 5 |

1. **Dữ liệu đầu vào**:

Dữ liệu đầu vào đơn đăng ký thuê xe:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Thời gian thuê xe | Thời gian Người dùng đến cửa hàng và bắt đầu thuê xe | Có |  |  |

1. **Dữ liệu đầu ra**:

Dữ liệu đầu ra thông tin đặt thuê xe:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng | Ví dụ |
| 1 | Tên cửa hàng | Tên cửa hàng Người dùng chọn thuê xe | Xâu ký tự |  |
| 2 | Mã cửa hàng | Mã cửa hàng Người dùng chọn thuê xe | Xâu ký tự |  |
| 3 | Tên Người dùng | Tên Người dùng đăng ký | Xâu ký tự |  |
| 4 | Mã Người dùng | Mã Người dùng được cấp | Xâu ký tự |  |
| 5 | Loại xe thuê | Tên của loại xe Người dùng chọn thuê | Xâu ký tự |  |
| 6 | Thời gian thuê | Thời gian Người dùng chọn thuê xe | Thời gian (HH:MM) |  |
| 7 | Mã đặt thuê xe | Mã của đơn đặt thuê xe | Xâu ký tự |  |

1. **Hậu điều kiện**:
2. **Đặc tả Ca sử dụng – “Tim kiem”**
3. **Mã Ca sử dụng**:
4. **Mô tả**: Ca sử dụng tương tác giữa Người dùng và Phần mềm hệ thống khi Người dùng muốn tìm kiếm cửa hàng và xe để đặt thuê.
5. **Tác nhân tham gia**: Người dùng.
6. **Tiền điều kiện**: Người dùng lựa chọn đặt thuê xe ở màn hình trang chủ.
7. **Luồng sự kiện cơ bản**:

Bước 1: Hệ thống hiển thị thanh lựa chọn quận (địa điểm muốn thuê).

Bước 2: Người dùng lựa chọn quận mong muốn.

Bước 3: Hệ thống hiển thị danh sách cửa hàng tại quận đã chọn. Danh sách chia thành các trang mỗi trang gồm 10 items, mỗi items gồm thông tin của cửa hàng.

Bước 4: Người dùng lựa chọn cửa hàng.

Bước 5: Hệ thống hiển thị danh sách xe cho thuê của cửa hàng. Danh sách chia thành các trang mỗi trang gồm 10 items, mỗi items gồm thông tin của xe.

Bước 6: Người dùng lựa chọn xe.

Bước 7: Trở lại Ca sử dụng “Dat thue xe”

1. **Luồng sự kiện thay thế**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 4 | Người dùng bấm vào trang cửa hàng khác | Hệ thống hiển thị trang cửa hàng tương ứng | Bước 3 |
| 2 | Bước 6 | Người dùng bấm vào trang thông tin xe khác | Hệ thống hiển thị trang thông tin xe tương ứng | Bước 5 |

1. **Dữ liệu đầu vào**:
2. **Dữ liệu đầu ra**:

Dữ liệu đầu ra thông tin xe:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Định dạng | Ví dụ |
| 1 | Loại xe | Tên của loại xe | Xâu ký tự |  |
| 2 | Chiều cao | Chiều cao của xe | Số |  |
| 3 | Cân nặng | Cân nặng của xe | Số |  |
| 4 | Giá thuê | Giá thuê xe | Số |  |

1. **Hậu điều kiện**:
2. **Đặc tả Ca sử dụng – “Them xe”**
3. **Mã Ca sử dụng**:
4. **Mô tả**: Ca sử dụng tương tác giữa Quản lý cửa hàng và Phần mềm hệ thống khi Quản lý cửa hàng muốn thêm xe vào danh sách xe của cửa hàng.
5. **Tác nhân tham gia**: Quản lý cửa hàng.
6. **Tiền điều kiện**: Quản lý cửa hàng đăng nhập thành công và hiện ở màn hình trang chủ. Màn hình trang chủ có hiển thị nút thêm xe.
7. **Luồng sự kiện cơ bản**:

Bước 1: Quản lý cửa hàng bấm vào nút lựa chọn thêm xe vào danh sách xe cửa hàng.

Bước 2: Hệ thống hiển thị đơn thông tin xe.

Bước 3: Quản lý cửa hàng điền đơn thông tin xe.

Bước 4: Quản lý của hàng bấm nút nộp đơn thông tin xe.

Bước 5: Hệ thống lưu thông tin xe được thêm.

1. **Luồng sự kiện thay thế**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 5 | Thông tin trong đơn không được điền chính xác, đầy đủ | Hệ thống hiển thị thông báo | Bước 2 |

1. **Dữ liệu đầu vào**:

Dữ liệu đầu ra thông tin xe:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Loại xe | Tên của loại xe | Có |  |  |
| 2 | Chiều cao | Chiều cao của xe | Có |  |  |
| 3 | Cân nặng | Cân nặng của xe | Có |  |  |
| 4 | Giá thuê | Giá thuê của xe | Có |  |  |
| 5 | Hình ảnh xe | Hình ảnh của xe | Có |  |  |

1. **Dữ liệu đầu ra**:
2. **Hậu điều kiện**:
3. **Đặc tả Ca sử dụng – “Thay doi thong tin xe”**
4. **Mã Ca sử dụng**:
5. **Mô tả**: Ca sử dụng tương tác giữa Quản lý cửa hàng và Phần mềm hệ thống khi Quản lý cửa hàng muốn thay đổi thông tin xe trong danh sách xe của cửa hàng.
6. **Tác nhân tham gia**: Quản lý cửa hàng.
7. **Tiền điều kiện**: Quản lý cửa hàng đăng nhập thành công và hiện ở màn hình trang chủ. Màn hình trang chủ có hiển thị danh sách xe của cửa hàng chia làm các trang mỗi trang tối đa 10 items (hiện tại sẽ hiển thị trang 1). Mỗi items gồm thông tin xe và 2 nút sửa thông tin xe và xóa xe.
8. **Luồng sự kiện cơ bản**:

Bước 1: Quản lý cửa hàng bấm vào nút thay đổi thông tin xe tương ứng của xe muốn sửa trong trang xe hiện tại hiển thị cửa hàng.

Bước 2: Hệ thống hiển thị đơn thông tin xe đã được điền bằng thông tin xe hiện tại.

Bước 3: Quản lý cửa hàng sửa đơn thông tin xe.

Bước 4: Quản lý cửa hàng bấm nút nộp đơn thông tin xe.

Bước 5: Hệ thống lưu thông tin xe.

1. **Luồng sự kiện thay thế**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 2 | Quản lý cửa hàng bấm vào trang xe khác | Hệ thống hiển thị trang Quản lý cửa hàng lựa chọn | Bước 1 |
| 2 | Bước 5 | Thông tin điền trong đơn không chính xác, đầy đủ | Hệ thống hiển thị thông báo | Bước 2 |

1. **Dữ liệu đầu vào**:

Dữ liệu đầu ra thông tin xe:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trường dữ liệu | Mô tả | Bắt buộc | Điều kiện thỏa mãn | Ví dụ |
| 1 | Loại xe | Tên của loại xe | Có |  |  |
| 2 | Chiều cao | Chiều cao của xe | Có |  |  |
| 3 | Cân nặng | Cân nặng của xe | Có |  |  |
| 4 | Giá thuê | Giá thuê của xe | Có |  |  |
| 5 | Hình ảnh xe | Hỉnh ảnh của xe | Có |  |  |

1. **Dữ liệu đầu ra**:
2. **Hậu điều kiện**:
3. **Đặc tả Ca sử dụng – “Xoa xe”**
4. **Mã Ca sử dụng**:
5. **Mô tả**: Ca sử dụng tương tác giữa Quản lý cửa hàng và Phần mềm hệ thống khi Quản lý cửa hàng muốn xóa xe trong danh sách xe của cửa hàng.
6. **Tác nhân tham gia**: Quản lý cửa hàng.
7. **Tiền điều kiện**: Quản lý cửa hàng đăng nhập thành công và hiện ở màn hình trang chủ. Màn hình trang chủ có hiển thị danh sách xe của cửa hàng chia làm các trang mỗi trang tối đa 10 items (hiện tại sẽ hiển thị trang 1). Mỗi items gồm thông tin xe và 2 nút sửa thông tin xe và xóa xe.
8. **Luồng sự kiện cơ bản**:

Bước 1: Quản lý cửa hàng bấm vào nút xóa xe tương ứng của xe muốn sửa trong trang xe hiện tại hiển thị cửa hàng.

Bước 2: Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa xe (gồm thông tin xe và 2 nút bấm xác nhận và hủy).

Bước 3: Quản lý cửa hàng bấm nút xác nhận xóa xe.

Bước 4: Hệ thống xóa thông tin xe.

1. **Luồng sự kiện thay thế**:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí thay thế | Điều kiện | Hành động | Vị trí trở lại |
| 1 | Bước 2 | Quản lý cửa hàng bấm vào trang xe khác | Hệ thống hiển thị trang Quản lý cửa hàng lựa chọn | Bước 1 |
| 2 | Bước 3 | Quản lý cửa hàng bấm nút hủy xóa xe |  | Kết thúc UC |

1. **Dữ liệu đầu vào**:
2. **Dữ liệu đầu ra**:
3. **Hậu điều kiện**: